ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

Số: 28/QĐ-ĐHKTCN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày 30 tháng 3 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH
Về việc miễn, giảm học phí cho sinh viên hệ chính quy tập trung dài hạn
Học kỳ 2 năm học 2016 – 2017

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

Căn cứ nghị định số 31/CP ngày 4/4/1994 của chính phủ về việc thành lập Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ thông tư 08/2014/TT-BGDĐT ngày 20 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn quyết định số 2424/QĐ-ĐHTN ngày 22 tháng 10 năm 2015 về việc ban hành quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Đại học Thái Nguyên, các cơ sở giáo dục đại học thành viên và đơn vị trực thuộc;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 20/2014/TTLT-BGD ĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Liên Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính và Bộ lao động-Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ ban hành quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015- 2016 đến năm học 2020 - 2021;

Căn cứ vào kết luận của Hội đồng xét miễn giảm học phí cho sinh viên hệ chính quy dài hạn học kỳ 2 năm học 2016 – 2017;

Theo đề nghị của Phó trưởng phòng Công tác HSSV và Trưởng phòng HC-TC ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay miễn, giảm học phí cho sinh viên hệ đại học chính quy thuộc đối tượng chính sách học kỳ 2 năm học 2016-2017 trong đó:

1. Đối tượng được miễn 100% học phí:
   - Sinh viên khối ngành kỹ thuật: 354 SV(có danh sách kèm theo)
   - Sinh viên khối ngành kinh tế: 14 SV(có danh sách kèm theo)
2. Đối tượng được giảm 70% học phí:
   - Sinh viên khối ngành kỹ thuật: 66 SV(có danh sách kèm theo)
   - Sinh viên khối ngành kinh tế: 02 SV(có danh sách kèm theo)
3. Đối tượng được giảm 50% học phí:
   - Sinh viên khối ngành kỹ thuật: 37 SV(có danh sách kèm theo)
   - Sinh viên khối ngành kinh tế: 01 SV(có danh sách kèm theo)

Điều 2. Các Phó trưởng phòng Công tác HSSV, Trưởng phòng Kế hoạch-Tài chính, các đơn vị có liên quan và những SV thuộc đối tượng ở điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 2;
- Lưu: VT, CTHSSV.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

PGS.TS. Trần Xuân Minh

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC MIỄN 100% HỌC PHÍ

HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2016 - 2017

(Kèm theo QĐ số: 28/QĐ -ĐHKTCN ngày 30 tháng 3 năm 2017)

I. Khối ngành kỹ thuật

TT	Mã SV	Họ và tên		Đối tượng	Lớp	Khoa
1	K125520201309	Nguyễn Văn	Thành	CBB-13	K48HTĐ.01	Điện
2	K125520201024	Đinh Quang	Huy	CTB-10	K48HTĐ.01	Điện
3	K125520201064	Nguyễn Thị	Tuyến	HNGHEODT	K48HTĐ.01	Điện
4	K125520201117	Nguyễn Kim	Thắng	CBB-12	K48KTĐ.01	Điện
5	K125520201082	Linh Thị	Chinh	CNGHEODT	K48KTĐ.01	Điện
6	K125520201087	Nguyễn Văn	Hào	CTB-08	K48KTĐ.01	Điện
7	K125520201040	Phổng Chàn	Phin	HNGHEODT	K48KTĐ.01	Điện
8	K125520214004	Ma Anh	Quý	HNGHEODT	K48KTĐ.01	Điện
9	K125520216100	Mai Hồng	Phương	CNGHEODT	K48TĐH.01	Điện
10	K125520216115	Lê Xuân	Bình	CNGHEODT	K48TĐH.01	Điện
11	K125520216212	Hoàng Đăng	Vượng	CBB-13	K48TĐH.02	Điện
12	K125520216233	Nguyễn Đức	Hiếu	CBB-13	K48TĐH.02	Điện
13	K125520216090	Nguyễn Văn	Đức	CNGHEODT	K48TĐH.02	Điện
14	K125520216200	Nguyễn Bá	Thêm	CTB-08	K48TĐH.02	Điện
15	K125520216098	Trịnh Thị Kim	Thúy	CBB-13	K48TĐH.03	Điện
16	K125520216024	Nguyễn Hữu	Hưng	CNHH	K48TĐH.03	Điện
17	K125520201277	Đinh Văn	Phong	CNGHEODT	K48TBĐ.01	Điện
18	K125520201012	Hoàng Văn	Cạnh	HNGHEODT	K48TBĐ.01	Điện
19	K125520201263	Lường Văn	Huy	HNGHEODT	K48TBĐ.01	Điện
20	K135520201163	Đặng Thanh	Ngọc	CBB-13	K49HTĐ.01	Điện
21	K135520201264	Nguyễn Hồng	Dương	CBB-13	K49HTĐ.01	Điện
22	K135520201087	Diệp Văn	Hùng	CNGHEODT	K49HTĐ.01	Điện
23	K135520201094	Lư Huy	Hoàng	CNGHEODT	K49HTĐ.01	Điện
24	K135520201199	Thào A	Cở	CNGHEODT	K49HTĐ.01	Điện
25	K135520201295	Triệu A	Pù	CNGHEODT	K49HTĐ.01	Điện
26	K125520201027	Nguyễn Trung	Kiên	CNHH	K49HTĐ.01	Điện
27	K135520201118	Thào A	Tủa	HNGHEODT	K49HTĐ.01	Điện
28	K125580205061	Hà Thị	Thảo	MOCOI	K49HTĐ.01	Điện
29	K135520201058	Lý Mạnh	Tiến	CNGHEODT	K49KTĐ.01	Điện
30	K135520201060	Hồ Thị	Trang	CNGHEODT	K49KTĐ.01	Điện
31	K135520201074	Hoàng Anh	Chiến	CNGHEODT	K49KTĐ.01	Điện
32	K135520201064	Hoàng Thanh	Vinh	HNGHEODT	K49KTĐ.01	Điện
33	K135520201091	Hoàng Mạnh	Hưng	CNGHEODT	K49KTĐ.02	Điện
34	K135520201160	Nguyễn Thị	Ly	CNGHEODT	K49KTĐ.02	Điện
35	K135520201180	Đỗ Thị	Thanh	CNGHEODT	K49KTĐ.02	Điện
36	K135520201189	Đào Minh	Tuấn	CNGHEODT	K49KTĐ.02	Điện

37	K135520201207	Ngô Văn	Đức	CNGHEODT	K49KTĐ.02	Điện
38	K135520201173	Chu Văn	Sơn	HNGHEODT	K49KTĐ.02	Điện
39	K135520201182	Nông Thị	Thoa	HNGHEODT	K49KTĐ.02	Điện
40	K135520201210	Phạm Thanh	Hà	CNGHEODT	K49KTĐ.03	Điện
41	K135520201247	Nguyễn Văn	Toàn	HNGHEODT	K49KTĐ.03	Điện
42	K135520216006	Hoàng ánh	Dương	CNGHEODT	K49TĐH.01	Điện
43	K135520216037	Hoàng Văn	Nhị	CNGHEODT	K49TĐH.01	Điện
44	K135520216336	Uông Văn	Mạnh	CTB-08	K49TĐH.01	Điện
45	K135520216032	Lục Thị	Lanh	HNGHEODT	K49TĐH.01	Điện
46	K135520216077	Ngô Văn	Hiếu	CNGHEODT	K49TĐH.02	Điện
47	K135520216080	Hoàng Thị	Hoài	CNGHEODT	K49TĐH.02	Điện
48	K135520216095	Lý Văn	Ngân	CNGHEODT	K49TĐH.02	Điện
49	K135520216119	Trần Thị	Tuyên	CNGHEODT	K49TĐH.02	Điện
50	K135520216086	Lộc Thị Mỹ	Linh	HNGHEODT	K49TĐH.02	Điện
51	K135520216155	Trương Văn	Lập	CBB-12	K49TĐH.03	Điện
52	K135520216156	Nguyễn Văn	Mạnh	CNGHEODT	K49TĐH.03	Điện
53	K135520216159	Hoàng Văn	Nghĩa	CNGHEODT	K49TĐH.03	Điện
54	K135520216165	Diệp Văn	Sinh	CNGHEODT	K49TĐH.03	Điện
55	K135520216171	La Thị	Thủy	CNGHEODT	K49TĐH.03	Điện
56	K135520216175	Lưu Đình	Tuất	CNGHEODT	K49TĐH.03	Điện
57	K135520216141	Dương Thanh	Hải	CTB-08	K49TĐH.03	Điện
58	K135520216262	Trần Công	Thành	CBB-13	K49TĐH.04	Điện
59	K135520216249	Trần Văn	Phi	CNGHEODT	K49TĐH.04	Điện
60	K145520201182	Vũ Văn	Giang	HNGHEODT	K50HTĐ.01	Điện
61	K145520201006	Lý Trung	Đức	CNGHEODT	K50KTĐ.01	Điện
62	K145520201011	Lý Văn	Cương	CNGHEODT	K50KTĐ.01	Điện
63	K145520201019	Ngô Thị Linh	Hương	CNGHEODT	K50KTĐ.01	Điện
64	K145520201071	Lý Tiến	Thành	CNGHEODT	K50KTĐ.01	Điện
65	K145520201248	Vũ Mạnh	Hùng	CNGHEODT	K50KTĐ.01	Điện
66	K145520201031	Trần Thị Khánh	Hòa	HNGHEODT	K50KTĐ.01	Điện
67	K145520201163	Lăng Quang	Vũ	CNGHEODT	K50KTĐ.02	Điện
68	K145520201124	Nguyễn Đức	Mạnh	HNGHEODT	K50KTĐ.02	Điện
69	K145520216121	Nguyễn Văn	Tuân	CNGHEODT	K50TĐH.02	Điện
70	K145520216130	Tàng Văn	Thịnh	HNGHEODT	K50TĐH.02	Điện
71	K145520216250	Đặng Văn	Nam	CBB-13	K50TĐH.03	Điện
72	K145520103262	Lý Hồng	Loan	CNGHEODT	K50TĐH.03	Điện
73	K145520216171	Đàm Hoàng	Nam	CNGHEODT	K50TĐH.03	Điện
74	K155520201076	Lý Thị Phương	Hà	CNGHEODT	K51HTĐ.01	Điện
75	K155520201153	Dương Thanh	Minh	CNHH	K51HTĐ.01	Điện
76	K135520201044	Nguyễn Xuân	Nguyên	CTB-08	K51HTĐ.01	Điện
77	K155520201226	Nguyễn Khắc	Thành	CTB-08	K51HTĐ.01	Điện
78	K155520201080	Diệp Văn	Hòa	CNGHEODT	K51KTĐ.01	Điện
79	K155520201083	Hoàng Thị	Huệ	CNGHEODT	K51KTĐ.01	Điện

80	K155520201017	Mai Xuân	Hào	CNHH	K51KTĐ.01	Điện
81	K155520201208	Lăng Tú	Khanh	CNGHEODT	K51KTĐ.02	Điện
82	K155520201225	Đào Duy	Thanh	CNGHEODT	K51KTĐ.02	Điện
83	K155520201214	Ngô Văn	Nam	CNHH	K51KTĐ.02	Điện
84	K155520201221	Trần Thị	Quế	HNGHEODT	K51KTĐ.02	Điện
85	K155520216006	Phùng Minh	Chí	CNGHEODT	K51TĐH.01	Điện
86	K155520216046	Lương Văn	Sơn	CNGHEODT	K51TĐH.01	Điện
87	K155520216273	Lường Thị	Định	CNGHEODT	K51TĐH.01	Điện
88	K155520216071	Chu Thị	ánh	CNGHEODT	K51TĐH.02	Điện
89	K155520216116	Dương Trọng	Tấn	CNGHEODT	K51TĐH.02	Điện
90	K155520216184	Lâm Thị	Thao	CNGHEODT	K51TĐH.03	Điện
91	K155520216252	Bùi Văn	Thịnh	CNGHEODT	K51TĐH.04	Điện
92	K155520216222	Chu Văn	Hòa	MOCOI	K51TĐH.04	Điện
93	K155520216259	Đỗ Văn	Tuân	MOCOI	K51TĐH.04	Điện
94	K165520201002	Nguyễn Tiến	Anh	CLS-05	K52ĐĐT.01	Điện
95	K165520201073	Trần Xuân	Cường	CNHH	K52ĐĐT.02	Điện
96	K165520201168	Đoàn Hải	Lương	CBB-13	K52ĐĐT.03	Điện
97	K165520201154	Hoàng Trung	Hiếu	CNGHEODT	K52ĐĐT.03	Điện
98	K165520201195	Bùi Công	Tùng	CNGHEODT	K52ĐĐT.03	Điện
99	K165520216067	Dương Thị	Châm	HNGHEODT	K52ĐKT.02	Điện
100	K165520216163	Nguyễn Văn	Tâm	CBB-13	K52ĐKT.03	Điện
101	K165520216154	Lưu Quang	Minh	CNGHEODT	K52ĐKT.03	Điện
102	K165520216133	Dương Thế	Đạt	CNHH	K52ĐKT.03	Điện
103	K165520216156	Lý Thị Bích	Ngọc	HNGHEODT	K52ĐKT.03	Điện
104	K165520216182	Trần Xuân	Bảo	CNGHEODT	K52ĐKT.04	Điện
105	K165520216202	Tạ Thu	Hương	CNGHEODT	K52ĐKT.04	Điện
106	K165520216177	Lâm Bùi Minh	Anh	CNHH	K52ĐKT.04	Điện
107	K165520216223	Trịnh Mạnh	Thắng	CTB-08	K52ĐKT.04	Điện
108	K165520216267	Tống Văn	Lâm	CBB-13	K52ĐKT.05	Điện
109	K165520216237	Giàng Thị	Máy	CNGHEODT	K52ĐKT.05	Điện
110	K165520216238	Vi Thị	Trang	CNGHEODT	K52ĐKT.05	Điện
111	K125520216056	Nguyễn Ngọc	Sơn	CNGHEODT	K48ĐĐK.01	Điện tử
112	K125520207011	Hoàng Thị	Hậu	CNGHEODT	K48ĐVT.01	Điện tử
113	K125520207066	Lâm Văn	Hoàn	CNGHEODT	K48ĐVT.01	Điện tử
114	K125520114028	Nông Văn	Long	CNGHEODT	K48CĐT.01	Điện tử
115	K125520114029	Đinh Việt	Mỹ	CNGHEODT	K48CĐT.01	Điện tử
116	K125520114049	Trình Anh	Tuấn	CNGHEODT	K48CĐT.01	Điện tử
117	K125520114108	Nông Quốc	Vương	CTB-08	K48CĐT.01	Điện tử
118	K125520114007	Sầm Văn	Công	HNGHEODT	K48CĐT.01	Điện tử
119	K125520114032	Nguyễn Thị	Niên	HNGHEODT	K48CĐT.01	Điện tử
120	K125520114063	Triệu Xuân	Anh	HNGHEODT	K48CĐT.01	Điện tử
121	K125520207053	Nguyễn Thị	Cúc	CBB-13	K48KĐT.01	Điện tử
122	K125520207001	Lâm Việt	Đại	CNGHEODT	K48KĐT.01	Điện tử

123	K125520207010	Hoàng Thị	Hảo	CNGHEODT	K48KĐT.01	Điện tử
124	DTK1151030042	Hoàng Thị	Quỳnh	HNGHEODT	K48KĐT.01	Điện tử
125	K125520207059	Nguyễn Thị	Hương	CTB-08	K48KMT.01	Điện tử
126	K125520207039	Phùng Đức	Đạt	CNGHEODT	K49ĐVT.01	Điện tử
127	K125520207115	Vi Văn	Bộ	CNGHEODT	K49ĐVT.01	Điện tử
128	K135520207007	Nguyễn Đình	Đạm	CNGHEODT	K49ĐVT.01	Điện tử
129	K135520207054	Nông Đức	Cảnh	CNGHEODT	K49ĐVT.01	Điện tử
130	K125520207122	Sùng Thị	Xú	HNGHEODT	K49ĐVT.01	Điện tử
131	K135520207060	Hoàng Ngọc	Hà	HNGHEODT	K49ĐVT.01	Điện tử
132	K135520114009	Hoàng Văn	Chuyền	CNGHEODT	K49CĐT.01	Điện tử
133	K135520114042	Từ Văn	Sáng	CNGHEODT	K49CĐT.01	Điện tử
134	K135520114098	Hà Mạnh	Quân	CNGHEODT	K49CĐT.01	Điện tử
135	K135520114031	Nguyễn Đình	Kiên	CNHH	K49CĐT.01	Điện tử
136	K135520114079	Lê Văn	Hiếu	CTB-09	K49CĐT.01	Điện tử
137	K135520114048	Nguyễn Thị	Thuyết	HNGHEODT	K49CĐT.01	Điện tử
138	K135520114017	Đàm Văn	Hào	MOCOI	K49CĐT.01	Điện tử
139	K125520207116	Hoàng Thanh	Sơn	CNGHEODT	K49KĐT.01	Điện tử
140	K135520207069	Lục Thị	Hiền	CNGHEODT	K49KĐT.01	Điện tử
141	K135520207077	Phùng Thị	Miên	CNGHEODT	K49KĐT.01	Điện tử
142	K135520207090	Nông Văn	Thọ	CNGHEODT	K49KĐT.01	Điện tử
143	K135520207005	Triệu Ngọc	Dính	HNGHEODT	K49KĐT.01	Điện tử
144	K135520207019	Vi Thị	Hợi	HNGHEODT	K49KĐT.01	Điện tử
145	K135520207073	Bế Thị	Khuyên	HNGHEODT	K49KĐT.01	Điện tử
146	K135520214031	Quách Công	Huy	CNGHEODT	K49KMT.01	Điện tử
147	K135520214007	Đinh Tiến	Mỹ	CNHH	K49KMT.01	Điện tử
148	K135520214013	Nguyễn Anh	Tuấn	CTB-08	K49KMT.01	Điện tử
149	K135520214055	Nguyễn Duy	Thắng	CTB-08	K49KMT.01	Điện tử
150	K135520214005	Nguyễn Văn	Hiếu	HNGHEODT	K49KMT.01	Điện tử
151	K145520207091	Vũ Xuân	Tuân	CBB-14	K50ĐVT.01	Điện tử
152	K145520207151	Chu Thanh	Hiền	CNGHEODT	K50ĐVT.01	Điện tử
153	K145520207073	Quàng Văn	Kháng	HNGHEODT	K50ĐVT.01	Điện tử
154	K145520207106	Lường Thị	Yến	HNGHEODT	K50ĐVT.01	Điện tử
155	K145520114026	Lê Hải	Lâm	CBB-13	K50CĐT.01	Điện tử
156	K145520114021	Hoàng Ngọc	Kiên	CNGHEODT	K50CĐT.01	Điện tử
157	K145520114045	Hoàng Minh	Tâm	CNGHEODT	K50CĐT.01	Điện tử
158	K145520114061	Lâm Hồng	Thuyên	CNGHEODT	K50CĐT.01	Điện tử
159	K145520114109	Hoàng Văn	Trường	CTB-08	K50CĐT.02	Điện tử
160	K145520207016	Lăng Thị	Hiển	CNGHEODT	K50KĐT.01	Điện tử
161	K145520207051	Hoàng Thị	Trang	CNGHEODT	K50KĐT.01	Điện tử
162	K145520207078	Trần Văn	Lý	CNGHEODT	K50KĐT.01	Điện tử
163	K145520207121	Đặng Thị ánh	Hồng	CNGHEODT	K50KĐT.01	Điện tử
164	K145520207033	Dương Thị Minh	Tâm	CTB-08	K50KĐT.01	Điện tử
165	K145520207048	Lý Thị	Thùy	CTB-08	K50KĐT.01	Điện tử

166	K145520207004	Nông Thị	Chang	HNGHEODT	K50KĐT.01	Điện tử
167	K145520214011	Hoàng Mạnh	Trường	CNGHEODT	K50KMT.01	Điện tử
168	K155520207081	Hoàng Văn	Hùng	CNGHEODT	K51ĐVT.01	Điện tử
169	K155520103318	Phạm Văn	Tú	CNGHEODT	K51CĐT.01	Điện tử
170	K155520114041	Mông Văn	Quang	HNGHEODT	K51CĐT.01	Điện tử
171	K155520114077	Nông Tiến	Điệp	CNGHEODT	K51CĐT.02	Điện tử
172	K155520114100	Lăng Văn	Lộc	CNGHEODT	K51CĐT.02	Điện tử
173	K155520114085	Nguyễn Minh	Hiếu	CTB-08	K51CĐT.02	Điện tử
174	K155520114123	Hứa Tiên	Tiến	HNGHEODT	K51CĐT.02	Điện tử
175	K155520207003	Hồ Thị Ngọc	ánh	CNGHEODT	K51KĐT.01	Điện tử
176	K155520207119	Hoàng Thị	Huyền	CNGHEODT	K51KĐT.01	Điện tử
177	K155520207038	Nguyễn Thị	Nhã	CNHH	K51KĐT.01	Điện tử
178	K155520214009	Ngô Thành	Tân	CTB-08	K51KMT.01	Điện tử
179	K155520214002	Đinh Văn	Dũng	HNGHEODT	K51KMT.01	Điện tử
180	K165520207030	Lâm Văn	Thế	CNGHEODT	K52ĐTT.01	Điện tử
181	K165520207032	Lục Văn	Toản	CNGHEODT	K52ĐTT.01	Điện tử
182	K165520207018	Phạm Tiến Bá	Ngọc	CTB-08	K52ĐTT.01	Điện tử
183	K165520114003	Hoàng Tuấn	Anh	CNGHEODT	K52CĐT.01	Điện tử
184	K165520114058	Đặng Văn	Thành	CNGHEODT	K52CĐT.01	Điện tử
185	K165520114012	Trần Văn	Dương	MOCOI	K52CĐT.01	Điện tử
186	K165520114140	Nguyễn Văn	Trường	CBB-13	K52CĐT.02	Điện tử
187	K165520114084	Lý Văn	Dũng	CNGHEODT	K52CĐT.02	Điện tử
188	K165520114113	Mông Chí	Lương	CNGHEODT	K52CĐT.02	Điện tử
189	K165520114139	Lý Văn	Trọng	CNGHEODT	K52CĐT.02	Điện tử
190	K165520114143	Lương Văn	Tuấn	CNHH	K52CĐT.02	Điện tử
191	K165520114200	Phùng Viết	Tài	CTB-09	K52CĐT.03	Điện tử
192	K165520214015	Trần Anh	Tuấn	CTB-08	K52KMT.01	Điện tử
193	K125520103181	Triệu Tiến	Dũng	CNGHEODT	K48CCM.01	Cơ khí
194	K125520103303	Hoàng Văn	Quyết	CNGHEODT	K48CCM.01	Cơ khí
195	K125520103224	Nguyễn Anh	Trường	CTB-10	K48CCM.01	Cơ khí
196	K125520103216	Phạm Văn	Thọ	HNGHEODT	K48CCM.01	Cơ khí
197	K125520103401	Lục Văn	Tùng	CNGHEODT	K48CCM.02	Cơ khí
198	K125520103366	Liễu Văn	Lộc	CNGHEODT	K48CLK.01	Cơ khí
199	K125520103018	Nông Văn	Hồi	CBB-13	K48KCK.01	Cơ khí
200	K125520103425	Ngô Trung	Đức	CBB-13	K48KCK.01	Cơ khí
201	K125520103172	Hoàng Văn	Vũ	CNGHEODT	K48KCK.01	Cơ khí
202	K125520103207	Hoàng Văn	Nhớ	MOCOI	K48KCK.01	Cơ khí
203	K135520103040	Hoàng Văn	Nam	CNGHEODT	K49CCM.01	Cơ khí
204	K135520103054	Dương Văn	Thắng	CNGHEODT	K49CCM.01	Cơ khí
205	K135520103105	La Văn	Khang	HNGHEODT	K49CCM.01	Cơ khí
206	K135520103123	Hoàng Văn	Thái	CNGHEODT	K49CCM.02	Cơ khí
207	K135520103112	Đỗ Tiến	Mạnh	CTB-08	K49CCM.02	Cơ khí
208	K135520103217	Hoàng Anh	Tuấn	CNGHEODT	K49CCM.03	Cơ khí

209	K135520103218	Lương Văn	Tuynh	CNGHEODT	K49CCM.03	Cơ khí
210	K135520103224	Linh Văn	Công	CNGHEODT	K49CCM.03	Cơ khí
211	K135520103268	Phan Văn	Tạ	CNGHEODT	K49CCM.03	Cơ khí
212	K135520103219	Ma Công	Vương	HNGHEODT	K49CCM.03	Cơ khí
213	K135520103436	Hoàng Ngọc	Tiến	CBB-12	K49CCM.04	Cơ khí
214	K135520103510	Bùi Văn	Thanh	CBB-13	K49CCM.04	Cơ khí
215	K135520103362	Triệu Văn	Việt	CNGHEODT	K49CCM.04	Cơ khí
216	K135520103420	Hoàng Thái	Sơn	CTB-09	K49CCM.04	Cơ khí
217	K135520103399	Nguyễn Mạnh	Huy	CTB-08	K49KGT.01	Cơ khí
218	K125520103167	Lục Quảng	Trường	HNGHEODT	K49KGT.01	Cơ khí
219	K135520103003	Lại Văn	Bảo	CNGHEODT	K49KTK.01	Cơ khí
220	K135520103005	Lê Văn Lương	Chí	CNGHEODT	K49KTK.01	Cơ khí
221	K135520103015	Nịnh Văn	Giang	CNGHEODT	K49KTK.01	Cơ khí
222	K135520103046	Hoàng Liên	Sơn	CNGHEODT	K49KTK.01	Cơ khí
223	K135520103060	Lý Ngọc	Tú	CNGHEODT	K49KTK.01	Cơ khí
224	K135520103445	Triệu Tuấn	Vũ	CNGHEODT	K49KTK.01	Cơ khí
225	K135520103229	Nguyễn Thanh	Duy	CTB-08	K49KTK.01	Cơ khí
226	K135520103113	Nông Văn	Năng	HNGHEODT	K49KTK.01	Cơ khí
227	K145520103077	Nguyễn Văn	Vĩnh	CBB-13	K50CCM.01	Cơ khí
228	K145520103005	Hoàng Tuấn	Anh	CNGHEODT	K50CCM.01	Cơ khí
229	K145520103006	Lục Sỹ	Bảo	CNGHEODT	K50CCM.01	Cơ khí
230	K145520103061	Lục Văn	Tuấn	CNGHEODT	K50CCM.01	Cơ khí
231	K145520103037	Lâm Văn	Mai	HNGHEODT	K50CCM.01	Cơ khí
232	K145520103151	Vũ Đình	Việt	CTB-08	K50CCM.02	Cơ khí
233	K145520103092	Giàng A	Giống	HNGHEODT	K50CCM.02	Cơ khí
234	K145520103101	Hoàng Văn	Hòa	HNGHEODT	K50CCM.02	Cơ khí
235	K145520103309	Đàm Văn	Hưng	CNGHEODT	K50CCM.03	Cơ khí
236	K145520103213	Nông Thẩm	Tuấn	HNGHEODT	K50CCM.03	Cơ khí
237	K145520103240	Hoàng Văn	Dương	CNGHEODT	K50CCM.04	Cơ khí
238	K145520103285	Nguyễn Anh	Tú	CNGHEODT	K50CCM.04	Cơ khí
239	K145520103282	Chu Thanh	Tùng	HNGHEODT	K50CCM.04	Cơ khí
240	K145520103371	Nguyễn Văn	Phán	CNHH	K50CCM.05	Cơ khí
241	K145520309007	Lộc Văn	Quỳnh	CNGHEODT	K50CVL.01	Cơ khí
242	K145520309017	Nguyễn Thành	Đăng	CNGHEODT	K50CVL.01	Cơ khí
243	K145520309032	Hoàng Văn	Ly	CNGHEODT	K50CVL.01	Cơ khí
244	K145520309040	Triệu Văn	Bính	CNGHEODT	K50CVL.01	Cơ khí
245	K145520309022	Lâm Văn	Duy	HNGHEODT	K50CVL.01	Cơ khí
246	K145520103024	Lê Đình	Hoàng	CBB-12	K50KC.01	Cơ khí
247	K155520103058	Hoàng Thanh	Thượng	CNGHEODT	K51KC.01	Cơ khí
248	K155520103108	Phó Đình	Long	CNGHEODT	K51KC.02	Cơ khí
249	K155520103138	Bùi Văn	Tùng	CNGHEODT	K51KC.02	Cơ khí
250	K155520103130	Hoàng Văn	Toàn	HNGHEODT	K51KC.02	Cơ khí
251	K155520103159	Dương Văn	Dương	CNGHEODT	K51KC.03	Cơ khí

252	K155520103185	Hoàng Văn	Pao	CNGHEODT	K51KC.03	Cơ khí
253	K155520103210	Nguyễn Đức	Tuyên	CTB-08	K51KC.03	Cơ khí
254	K155520103199	Triệu Văn	Thực	HNGHEODT	K51KC.03	Cơ khí
255	K155520103220	Lục Thành	Đại	CNHH	K51KC.04	Cơ khí
256	K155520103294	Nguyễn Thành	Đạt	CTB-08	K51KC.05	Cơ khí
257	K155520103310	Nông Thị	Tâm	HNGHEODT	K51KC.05	Cơ khí
258	K165520103068	Bùi Duy	Bình	CNGHEODT	K52KC.02	Cơ khí
259	K165520103096	Lương Văn	Luân	CNGHEODT	K52KC.02	Cơ khí
260	K165520103101	Ma Viết	Ngọc	HNGHEODT	K52KC.02	Cơ khí
261	K165520103159	Hoàng Thị	Linh	CTB-08	K52KC.03	Cơ khí
262	K165520103203	Nguyễn Văn	Dương	CNGHEODT	K52KC.04	Cơ khí
263	K165520103246	Trần Văn	Trọng	CNGHEODT	K52KC.04	Cơ khí
264	K165520103249	Nguyễn Văn	Tuân	CNGHEODT	K52KC.04	Cơ khí
265	K165520103250	Hoàng Anh	Tuấn	CNGHEODT	K52KC.04	Cơ khí
266	K165520103263	Lục Văn	Dần	CNGHEODT	K52KC.05	Cơ khí
267	K165520103274	Nguyễn Khắc	Phước	CTB-08	K52KC.05	Cơ khí
268	K125520103094	Đặng Anh	Quân	HNGHEODT	K1 CN-KTO.01 (	KT Ôtô & MĐL
269	K145510205018	Nguyễn Thành	Chung	CNGHEODT	K2 CN-KTO.01 (	KT Ôtô & MĐL
270	K145510205055	Nông Minh	Thượng	CNGHEODT	K2 CN-KTO.01 (	KT Ôtô & MĐL
271	K145510205079	Lương Trung	Hoàng	CNGHEODT	K2 CN-KTO.01 (	KT Ôtô & MĐL
272	K145510205003	Lê Khắc	Đại	CTB-08	K2 CN-KTO.01 (	KT Ôtô & MĐL
273	K145510205031	Sầm Văn	Lương	HNGHEODT	K2 CN-KTO.01 (	KT Ôtô & MĐL
274	K145510205052	Lò Văn	Tính	HNGHEODT	K2 CN-KTO.01 (	KT Ôtô & MĐL
275	DTK1151010486	Khúc Ngọc	Vượng	CBB-13	K47CĐL.01	KT Ôtô & MĐL
276	K125520103162	Vi Văn	Thịnh	CNGHEODT	K48CĐL.01	KT Ôtô & MĐL
277	K125520103198	Phạm Quang	Huy	CNGHEODT	K48CĐL.01	KT Ôtô & MĐL
278	K125520103203	Lương Văn	Mai	CNGHEODT	K48CĐL.01	KT Ôtô & MĐL
279	K125520103211	Hà Minh	Sơn	CNGHEODT	K48CĐL.01	KT Ôtô & MĐL
280	K125520103339	Vy Văn	Đường	HNGHEODT	K48CĐL.01	KT Ôtô & MĐL
281	K135520103287	Trương Anh	Tuấn	CBB-12	K49CĐL.01	KT Ôtô & MĐL
282	K135520103267	Hoàng Ngọc	Sơn	CNGHEODT	K49CĐL.01	KT Ôtô & MĐL
283	K135520103188	Nguyễn Văn	Lực	CTB-08	K49CĐL.01	KT Ôtô & MĐL
284	K125520103337	Tống Văn	Đông	HNGHEODT	K49CĐL.01	KT Ôtô & MĐL
285	K135520103118	Lao Văn	Nguyên	HNGHEODT	K49CĐL.01	KT Ôtô & MĐL
286	K145520103209	Lý Văn	Tú	CNGHEODT	K50CĐL.01	KT Ôtô & MĐL
287	K145905228012	Hoàng Minh	Thắng	CNGHEODT	K50CĐL.01	KT Ôtô & MĐL
288	K145520103307	Đỗ Xuân	Trưởng	CTB-08	K50CĐL.01	KT Ôtô & MĐL
289	K145520103272	Viên Văn	Nhượng	HNGHEODT	K50CĐL.01	KT Ôtô & MĐL
290	K155510205007	Nông Mạnh	Cường	CNGHEODT	K51CN- KTO.01	KT Ôtô & MĐL
291	K155510205034	Phùng Đức	Mạnh	CNGHEODT	K51CN- KTO.01	KT Ôtô & MĐL
292	K155510205048	Mông Chí	Thi	CNGHEODT	K51CN- KTO.01	KT Ôtô & MĐL
293	K155510205068	Lăng Văn	Thận	CNGHEODT	K51CN- KTO.01	KT Ôtô & MĐL
294	K155510205040	Dương Ngọc	Nguyên	CTB-10	K51CN- KTO.01	KT Ôtô & MĐL

295	K155510205061	Lường Thanh	Tuyên	HNGHEODT	K51CN- KTO.01	KT Ôtô & MĐL
296	K165510205014	Dương Quang	Đạt	CNGHEODT	K52CN-KTO.01	KT Ôtô & MĐL
297	K165510205026	Lý Tuấn	Hữu	CNGHEODT	K52CN-KTO.01	KT Ôtô & MĐL
298	K125520216217	Phạm Tuấn	Anh	CNGHEODT	K48AP.I	Quốc tế
299	K145905218006	Đàm Xuân	Duy	CNGHEODT	K50AP.M	Quốc tế
300	K145520320005	Lê Mỹ	Anh	CTB-08	K50AP.I	Quốc tế
301	K145520114070	Đặng Quốc	Cường	HNGHEODT	K50AP.I	Quốc tế
302	K145510301012	Bùi Duy	Nghĩa	CNGHEODT	K2 CN-ĐĐT.01 (	Sư phạm KT
303	K145510301035	Đào Đức	Công	CNHH	K2 CN-ĐĐT.01 (	Sư phạm KT
304	K145510301077	Nguyễn Văn	Duệ	CNGHEODT	K2 CN-ĐĐT.02 (	Sư phạm KT
305	K145510301094	Nông Ngọc	Huy	CNGHEODT	K2 CN-ĐĐT.02 (	Sư phạm KT
306	K145510301095	Trần Văn	Huynh	CNGHEODT	K2 CN-ĐĐT.02 (	Sư phạm KT
307	K145510301102	Nông Ngọc	Quyến	CNGHEODT	K2 CN-ĐĐT.02 (	Sư phạm KT
308	K145510301091	Nông Thị	Hoa	HNGHEODT	K2 CN-ĐĐT.02 (	Sư phạm KT
309	K145510301110	Lục Văn	Thạo	HNGHEODT	K2 CN-ĐĐT.02 (	Sư phạm KT
310	K145510202003	Nông Văn	Hà	CNGHEODT	K2 CN-CTM.01 (	Sư phạm KT
311	K155510202010	Giàng A	Phương	HNGHEODT	K51CN-CTM.01	Sư phạm KT
312	K155510202009	Hoàng Hải	Phong	MOCOI	K51CN-CTM.01	Sư phạm KT
313	K165510301022	Hoàng Duy	Khiêm	HNGHEODT	K52CN-ĐĐT.01	Sư phạm KT
314	K125520320063	Lê Thị	Yến	CBB-13	K48KTM.01	XD và MT
315	K125520320055	Nguyễn Thiên	Thu	CNGHEODT	K48KTM.01	XD và MT
316	K125520320070	Hoàng Minh	Chiến	CNGHEODT	K48KTM.01	XD và MT
317	K125520320048	Phạm Thị	Thương	CNHH	K48KTM.01	XD và MT
318	K125520320029	Nguyễn Tô	Hoàng	HNGHEODT	K48KTM.01	XD và MT
319	K125520320042	Trương Văn	Quản	HNGHEODT	K48KTM.01	XD và MT
320	K125520320060	Lương Minh	Trang	HNGHEODT	K48KTM.01	XD và MT
321	K125580201077	Phạm Anh	Vũ	CBB-13	K48KXC.01	XD và MT
322	K125580201014	Vy Văn	Hải	CNGHEODT	K48KXC.01	XD và MT
323	K125580201027	Mông Quang	Huy	CNGHEODT	K48KXC.01	XD và MT
324	K125580201057	Hoàng Văn	Thiệp	CNGHEODT	K48KXC.01	XD và MT
325	K125580201106	Ma Quốc	Hưng	CNGHEODT	K48KXC.01	XD và MT
326	K125580201008	Triệu Xuân	Dũng	HNGHEODT	K48KXC.01	XD và MT
327	K125580201148	Lê Thanh	Tùng	CBB-13	K48KXC.02	XD và MT
328	K125580201167	Dương Văn	Hà	CNGHEODT	K48KXC.02	XD và MT
329	K125580205010	Phạm Văn	Lân	CBB-13	K48KXG.01	XD và MT
330	K125580205033	Hứa Quang	Thảo	CNGHEODT	K48KXG.01	XD và MT
331	K125580205019	Lê Tuấn	Anh	CTB-10	K48KXG.01	XD và MT
332	K125580205012	Bàn Hữu	Quốc	HNGHEODT	K48KXG.01	XD và MT
333	K135520320024	Ma Văn	Hợi	CNGHEODT	K49KTM.01	XD và MT
334	K135520320035	Nguyễn Thị	Huyền	CNGHEODT	K49KTM.01	XD và MT
335	K135520320014	Nguyễn Thị	Giang	CTB-08	K49KTM.01	XD và MT
336	K135520320037	Giàng Seo	Lâu	HNGHEODT	K49KTM.01	XD và MT
337	K135520103082	Lê Văn	Duy	CNGHEODT	K49KXC.01	XD và MT

338	K135580201011	Nguyễn Đình	Đắc	CNGHEODT	K49KXC.01	XD và MT
339	K135580201035	Hoàng Văn	Phúc	CNGHEODT	K49KXC.01	XD và MT
340	K135580201037	Lô Văn	Tâm	CNGHEODT	K49KXC.01	XD và MT
341	K135580201043	Sình A	Trống	HNGHEODT	K49KXC.01	XD và MT
342	K135580201056	Trần Văn	Bảo	CNGHEODT	K49KXC.02	XD và MT
343	K135580201063	Hoàng Thanh	Duy	CNGHEODT	K49KXC.02	XD và MT
344	K135580201065	Triệu Đình	Đề	CNGHEODT	K49KXC.02	XD và MT
345	K135580201074	Bàn Văn	Hiển	CNGHEODT	K49KXC.02	XD và MT
346	K135580201098	Ma Văn	Tuân	CNGHEODT	K49KXC.02	XD và MT
347	K135580201160	Đào Thị	Thư	CNGHEODT	K49KXC.02	XD và MT
348	K135580201078	Nguyễn Văn	Khánh	CTB-08	K49KXC.02	XD và MT
349	K135580201161	Nguyễn Ngọc Minh	Thư	CTB-08	K49KXC.02	XD và MT
350	K135580201081	Phạm Đức	Luận	HNGHEODT	K49KXC.02	XD và MT
351	K145520320006	Lường Thị	Anh	CNGHEODT	K50KTM.01	XD và MT
352	K145520320004	Hoàng Cao	An	CTB-08	K50KTM.01	XD và MT
353	K145905218001	Ma Công	An	CNGHEODT	K50KXC.01	XD và MT
354	K145580201018	Lê Duy	Hoài	CTB-08	K50KXC.01	XD và MT

II. Khối ngành kinh tế

TT	Mã SV	Họ và tên		Đối tượng	Lớp	Khoa
1	K135510604022	Lý Thu	Huyền	CNGHEODT	K49KTN.01	Kinh tế CN
2	K135510604075	Vi Thị	Linh	CNGHEODT	K49KTN.01	Kinh tế CN
3	K135510604015	Hoàng Thị	Hiền	CNGHEODT	K49QTN.01	Kinh tế CN
4	K135510604089	Lăng Thu	Thảo	HNGHEODT	K49QTN.01	Kinh tế CN
5	K135510604140	Hà Thị	Nở	HNGHEODT	K50KTN.01	Kinh tế CN
6	K145510604059	Lăng Thị	Mơ	HNGHEODT	K50KTN.01	Kinh tế CN
7	K145510601015	Hoàng Thị	Ngọc	CNGHEODT	K50QLC.01	Kinh tế CN
8	K145510601013	Dương Đức	Mạnh	HNGHEODT	K50QLC.01	Kinh tế CN
9	K145510601037	Nông Thị	Hường	HNGHEODT	K50QLC.01	Kinh tế CN
10	K155510601004	Triệu Thị	Quyến	CNGHEODT	K51KTN.01	Kinh tế CN
11	K155510604007	Lê Thành	Giang	CNGHEODT	K51KTN.01	Kinh tế CN
12	K155510604028	Hà Quyết	Thức	CTB-08	K51KTN.01	Kinh tế CN
13	K155510604011	Phùng Văn	Hoàng	HNGHEODT	K51KTN.01	Kinh tế CN
14	K165510604003	Lương Thị	Huế	CNGHEODT	K52KTN.01	Kinh tế CN

Ấn định danh sách : 354 sinh viên khối kỹ thuật và 14 sinh viên khối kinh tế.

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC MIỄN 70% HỌC PHÍ
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2016 - 2017
(Kèm theo QĐ số: 28/QĐ -ĐHKTCN ngày 30 tháng 3 năm 2017)

I. Khối ngành kỹ thuật

TT	Mã SV	Họ và tên		Đối tượng	Lớp	Khoa
1	K125520201033	Ngô Văn	Mạnh	DT-ĐBKK	K48HTĐ.01	Điện
2	K125520201045	Thào A	Su	DT-ĐBKK	K48KTĐ.01	Điện
3	K135520201202	Triệu Quang	Dũng	DT-ĐBKK	K49HTĐ.01	Điện
4	K135520201263	Trương Văn	Chính	DT-ĐBKK	K49HTĐ.01	Điện
5	K135520201026	Lưu Thị	Hường	DT-ĐBKK	K49KTĐ.01	Điện
6	K135520216114	Nguyễn Xuân	Tuân	DT-ĐBKK	K49TĐH.02	Điện
7	K135520216109	La Thu	Thủy	DT-ĐBKK	K49TĐH.03	Điện
8	K135520216148	Tô Quang	Hoài	DT-ĐBKK	K49TĐH.03	Điện
9	K135520216177	Lê Tuấn	Vũ	DT-ĐBKK	K49TĐH.03	Điện
10	K145520201004	Hoàng Văn	Điệp	DT-ĐBKK	K50KTĐ.01	Điện
11	K145520201032	Dương Văn	Huy	DT-ĐBKK	K50KTĐ.01	Điện
12	K145520201079	Lăng Văn	Văn	DT-ĐBKK	K50KTĐ.01	Điện
13	K155520201166	Ma Xuân	Thành	DT-ĐBKK	K51HTĐ.01	Điện
14	K155520201008	Nông Văn	Điền	DT-ĐBKK	K51KTĐ.01	Điện
15	K155520201140	Đinh Văn	Hòa	DT-ĐBKK	K51KTĐ.01	Điện
16	K155520201243	Đinh Tuấn	Anh	DT-ĐBKK	K51KTĐ.01	Điện
17	K155520216299	Nông Văn	Tiến	DT-ĐBKK	K51TĐH.03	Điện
18	K155510601005	Ma Thị	Hằng	DT-ĐBKK	K51TĐH.04	Điện
19	K155520216298	Lường Văn	Thùy	DT-ĐBKK	K51TĐH.04	Điện
20	K165520216034	Lộc Lưu Thanh	Long	DT-ĐBKK	K52ĐKT.01	Điện
21	K165520216064	Nguyễn Hồng	ánh	DT-ĐBKK	K52ĐKT.02	Điện
22	K165520216077	Trần Thị Thu	Hà	DT-ĐBKK	K52ĐKT.02	Điện
23	K165520216212	Trần Công	Minh	DT-ĐBKK	K52ĐKT.04	Điện
24	K125520114009	Hoàng Quang	Chung	DT-ĐBKK	K48CĐT.01	Điện tử
25	K125520114033	Lăng Văn	Nuôi	DT-ĐBKK	K48CĐT.01	Điện tử
26	K145520216002	La Văn	Đông	DT-ĐBKK	K50ĐĐK.01	Điện tử
27	K145520216197	Trương Thị Thanh	Trà	DT-ĐBKK	K50ĐĐK.01	Điện tử
28	K145520207022	Hoàng Văn	Lộc	DT-ĐBKK	K50ĐVT.01	Điện tử
29	K145520114001	Từ Văn	Đông	DT-ĐBKK	K50CĐT.01	Điện tử
30	K145520114002	Lý Ngọc	Đại	DT-ĐBKK	K50CĐT.01	Điện tử
31	K145520114016	Lý Văn	Hùng	DT-ĐBKK	K50CĐT.01	Điện tử
32	K145520207045	Diệp Đình	Thật	DT-ĐBKK	K50KĐT.01	Điện tử
33	K155520114052	Lý A	Thảng	DT-ĐBKK	K51CĐT.01	Điện tử
34	K155520114111	Bùi Hiếu	Quỳnh	DT-ĐBKK	K51CĐT.02	Điện tử
35	K155520207117	Trần Tuấn	Vũ	DT-ĐBKK	K51KĐT.01	Điện tử
36	K165520114134	Lâm Văn	Thiện	DT-ĐBKK	K52CĐT.02	Điện tử
37	K165520114187	Dương Công	Lương	DT-ĐBKK	K52CĐT.03	Điện tử

38	K165520114135	Lê Xuân	Thiều	DT-ĐBKK	K52KMT.01	Điện tử
39	K125520103195	Đặng Thái	Hoàng	DT-ĐBKK	K48CLK.01	Cơ khí
40	K135520103209	Lý Thanh	Tùng	DT-ĐBKK	K49CCM.03	Cơ khí
41	K135520103264	Nông Văn	Phương	DT-ĐBKK	K49CCM.03	Cơ khí
42	K145520103045	Lương Văn	Phúc	DT-ĐBKK	K50CCM.01	Cơ khí
43	K145520103050	Nguyễn Thanh	Sơn	DT-ĐBKK	K50CCM.01	Cơ khí
44	K145520103203	Hoàng Ngọc	Sơn	DT-ĐBKK	K50CCM.03	Cơ khí
45	K145520103250	Nông Văn	Hợp	DT-ĐBKK	K50CCM.04	Cơ khí
46	K155520103036	Hoàng Văn	Linh	DT-ĐBKK	K51KC.01	Cơ khí
47	K155520103100	Hoàng Văn	Hưng	DT-ĐBKK	K51KC.02	Cơ khí
48	K155520103239	Luân Văn	Hùng	DT-ĐBKK	K51KC.04	Cơ khí
49	K155520103255	Lý A	Páo	DT-ĐBKK	K51KC.04	Cơ khí
50	K165520103199	Nguyễn Mạnh	Cường	DT-ĐBKK	K52KC.04	Cơ khí
51	K125520103127	Ma Trường	Đạt	DT-ĐBKK	K48CĐL.01	KT Ôtô & MĐL
52	K145510205017	Toàn Việt	Chung	DT-ĐBKK	K2 CN-KTO.01	KT Ôtô & MĐL
53	K165510205006	Vàng Văn	Chìn	DT-ĐBKK	K52CN-KTO.01	KT Ôtô & MĐL
54	K165510205023	Diệp Đình	Hùng	DT-ĐBKK	K52CN-KTO.01	KT Ôtô & MĐL
55	K145510301017	Lương Văn	Tuấn	DT-ĐBKK	K2 CN-ĐĐT.01	Sư phạm KT
56	K145510301076	Nông Quang	Dự	DT-ĐBKK	K2 CN-ĐĐT.02	Sư phạm KT
57	K145510301097	Ma Thúc	Kháng	DT-ĐBKK	K2 CN-ĐĐT.02	Sư phạm KT
58	K155510301024	Lăng Trung	Kiên	DT-ĐBKK	K51CN-ĐĐT.01	Sư phạm KT
59	K125520320032	Lù Văn	Khưởng	DT-ĐBKK	K48KTM.01	XD và MT
60	K125580201051	Đinh Thiện	Tình	DT-ĐBKK	K48KXC.01	XD và MT
61	K125580201056	Dương Văn	Thiện	DT-ĐBKK	K48KXC.01	XD và MT
62	K125580201081	Nguyễn Văn	Dũng	DT-ĐBKK	K48KXC.01	XD và MT
63	K135520320056	Trần Ngọc	Sơn	DT-ĐBKK	K49KTM.01	XD và MT
64	K135580201059	Nông Công	Cường	DT-ĐBKK	K49KXC.02	XD và MT
65	K135580201088	Diệp Văn	Quang	DT-ĐBKK	K49KXC.02	XD và MT
66	K155580201019	Triệu Ngọc	Tú	DT-ĐBKK	K51KXC.01	XD và MT

II. Khối ngành kinh tế

TT	Mã SV	Họ và tên		Đối tượng	Lớp	Khoa
1	K145510604038	Triệu Văn	Tuấn	DT-ĐBKK	K50KTN.01	Kinh tế CN
2	K155510601003	Dương Thị	Hiền	DT-ĐBKK	K51KTN.01	Kinh tế CN

Ấn định danh sách : 66 sinh viên khối kỹ thuật và 02 sinh viên khối kinh tế.

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC MIỄN 50% HỌC PHÍ
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2016 - 2017
(Kèm theo QĐ số: 28/QĐ -ĐHKTCN ngày 30 tháng 3 năm 2017)

I. Khối ngành kỹ thuật

TT	Mã SV	Họ và tên		Đối tượng	Lớp	Khoa
1	K125520216036	Lê Trung	Lâm	TNLĐ	K48TĐH.01	Điện
2	K125520216026	Trương Thái	Hoàng	BNN	K48TĐH.02	Điện
3	K125520216049	Phạm Thành	Nam	BNN	K48TĐH.03	Điện
4	K135520216025	Nguyễn Việt	Hoàng	BNN	K49TĐH.01	Điện
5	K135520216130	Nguyễn Tùng	Dương	BNN	K49TĐH.03	Điện
6	K135520216122	Đỗ Việt	Anh	TNLĐ	K49TĐH.03	Điện
7	K145520201027	Nguyễn Trung	Hiếu	BNN	K50HTĐ.01	Điện
8	K145520216122	Mạc Anh	Tuấn	BNN	K50TĐH.02	Điện
9	K155520201071	Hoàng Minh	Đức	TNLĐ	K51HTĐ.01	Điện
10	K155520216221	Phạm Minh	Hiếu	BNN	K51TĐH.04	Điện
11	K165520201016	Nông Mạnh	Đức	BNN	K52ĐĐT.01	Điện
12	K165520201043	Lưu Văn	Phương	TNLĐ	K52ĐĐT.01	Điện
13	K165520216029	Ngô Quang	Huy	TNLĐ	K52ĐKT.01	Điện
14	K125520114016	Phạm Duy	Hùng	TNLĐ	K48CĐT.01	Điện tử
15	K125520114020	Nguyễn Trung	Hiếu	TNLĐ	K48CĐT.01	Điện tử
16	K145520216036	Phạm Quang	Mạnh	TNLĐ	K50ĐĐK.01	Điện tử
17	K145520207014	Dương Hồng	Hạnh	BNN	K50ĐVT.01	Điện tử
18	K145520207107	Trịnh Đức	Anh	TNLĐ	K50KĐT.01	Điện tử
19	K155520207071	Phạm Khánh	Dương	BNN	K51ĐVT.01	Điện tử
20	K155520207103	Trần Ngọc	Sơn	BNN	K51KĐT.01	Điện tử
21	K165520114177	Trần Đức	Huy	TNLĐ	K52CĐT.03	Điện tử
22	K125520103210	Nguyễn Quốc	Quyền	TNLĐ	K48CCM.02	Cơ khí
23	K135520103234	Bùi Minh	Đức	BNN	K49CCM.03	Cơ khí
24	K135520103480	Nguyễn	Khánh	BNN	K49CCM.04	Cơ khí
25	K145520103053	Nguyễn Bảo	Tùng	BNN	K50CCM.01	Cơ khí
26	K155520103042	Thái Phương	Nam	TNLĐ	K51KC.01	Cơ khí
27	K155520103219	Vũ Mạnh	Cường	BNN	K51KC.04	Cơ khí
28	K155520103242	Lê Quang	Huy	BNN	K51KC.04	Cơ khí
29	K155520103333	Vũ ánh	Dương	TNLĐ	K51KC.05	Cơ khí
30	K145520103157	Ngô Việt	Anh	TNLĐ	K50CĐL.01	KT Ôtô & MĐL
31	K155905218007	Lê Thị Thu	Hiền	TNLĐ	K51AP.M	Quốc tế
32	K145510202027	Nguyễn Thế	Anh	TNLĐ	K2 CN-CTM.01	Sư phạm KT
33	K125580201033	Đoàn Ngọc	Long	BNN	K48KXC.01	XD và MT
34	K135520320016	Nguyễn Thị Thanh	Hằng	BNN	K49KTM.01	XD và MT
35	K135580201003	Nguyễn Quỳnh	Anh	BNN	K49KXC.01	XD và MT
36	K145520320024	Hà Thị Thu	Hường	TNLĐ	K50KTM.01	XD và MT
37	K145520320104	Nguyễn Tiến	Thuận	TNLĐ	K50KTM.01	XD và MT

II. Khối ngành kinh tế

TT	Mã SV	Họ và tên	Đối tượng	Lớp	Khoa
1	K135510604091	Nguyễn Thị Phương Thảo	TNLĐ	K49KTN.01	Kinh tế CN

Ấn định danh sách : 37 sinh viên khối kỹ thuật và 01 sinh viên khối kinh tế./.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

PGS.TS. Trần Xuân Minh